

Số: **145**/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung, phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2023 và
một số nội dung thuộc lĩnh vực tài chính - ngân sách**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 628/TTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2023; số 655/TTr-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023; số 661/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung và phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2023 tại Điều 2 Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách tỉnh:

Điều chỉnh tăng, giảm cơ cấu chi ngân sách cấp tỉnh: Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh từ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề và Sự nghiệp kinh tế để bổ sung kế hoạch chi đầu tư phát triển: 755.500 triệu đồng (trong đó: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 745.500 triệu đồng; Sự nghiệp kinh tế: 10.000 triệu đồng).

Dự toán chi ngân sách tỉnh sau điều chỉnh: 18.455.088 triệu đồng, trong đó: Dự toán chi đầu tư phát triển: 9.398.369 triệu đồng, tăng 755.500 triệu đồng; Dự toán chi thường xuyên: 7.036.233 triệu đồng, giảm 755.500 triệu đồng.

Dự toán chi ngân sách địa phương sau điều chỉnh: 31.960.596 triệu đồng (không đổi so với Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022). Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 13.955.500 triệu đồng, tăng 755.500 triệu đồng; Chi thường xuyên: 15.714.500 triệu đồng, giảm 755.500 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu số 15, 17, 33, 34 và 37 Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ)

2. Bổ sung kế hoạch ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ghi chi tiền giải phóng mặt bằng nhà đầu tư ứng trước theo quy định của Luật Đất đai: 94.516 triệu đồng, trong đó: Ghi thu tiền sử dụng đất: 69.393 triệu đồng; ghi thu tiền thuê đất trả tiền một lần: 25.123 triệu đồng *(Chi tiết theo phụ biểu 01)*.

3. Phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2023:

3.1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh: 843.353 triệu đồng. Gồm:

a) Phân bổ kinh phí cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo 457.135 triệu đồng, từ nguồn Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất trường học, sửa chữa trường, lớp học thường xuyên, mua sắm trang thiết bị dạy học và các nhiệm vụ của ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh: 440.000 triệu đồng và từ nguồn Kinh phí chi đào tạo, giáo dục khác: 17.135 triệu đồng cho các đơn vị và địa phương, cụ thể:

- Sở Giáo dục và Đào tạo: 12.469 triệu đồng.

- Ban Quản lý dự án và đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh: 1.493 triệu đồng.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: 443.173 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ biểu 02)

b) Phân bổ kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang, thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế toàn tỉnh theo Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023: 245.065 triệu đồng cho 02 đơn vị.

- Sở Y tế: 190.243 triệu đồng.

- Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí: 54.822 triệu đồng.

c) Phân bổ kinh phí sự nghiệp giao thông cho Sở Giao thông vận tải để thực hiện Kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa tỉnh Quảng Ninh năm 2023 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022: 115.000 triệu đồng.

d) Phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng: 19.658 triệu đồng.

đ) Phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ Công an tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực an ninh: 6.495 triệu đồng.

3.2. Phân bổ kế hoạch chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn bổ sung 755.500 triệu đồng.

a) Phân bổ cho 12 Dự án trường học chất lượng cao theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 745.500 triệu đồng.

b) Phân bổ hỗ trợ đầu tư xây dựng dự án Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thị xã Đông Triều/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/Quân khu 3: 10.000 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu số 03)

Điều 2. Một số nội dung thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách:

1. Đối với việc áp dụng đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2021 làm cơ sở quyết toán năm 2022: Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý với đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2021 làm cơ sở quyết toán năm 2022. Quá trình thực hiện phải đảm bảo phù hợp với các quy định theo hướng dẫn tại Công văn số 13288/BTC-QLG ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính “V/v giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022” và không được để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, thất thoát ngân sách nhà nước.

2. Về ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị và các địa phương; tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trụ sở làm việc của Trung tâm truyền thông tỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý về nguyên tắc đối với tiêu chuẩn, định mức theo đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 655/TTr-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trình xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Quá trình triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh phải chỉ đạo chặt chẽ việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn, định mức đã được ban hành và định mức dự kiến bổ sung kỳ này, tuyệt đối không để xảy ra trùng lặp, lãng phí, đảm bảo phù hợp với chức năng nhiệm vụ và nhu cầu thực tế của các cơ quan, đơn vị, phát huy hiệu quả sau đầu tư, trang sắm; hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về các Quyết định của mình; tăng cường kiểm tra, thanh tra, gắn trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức sau khi ban hành, đảm bảo công khai, minh bạch, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm pháp luật, lãng phí, tiêu cực, thất thoát ngân sách nhà nước, lợi dụng kẽ hở của pháp luật để chiếm đoạt, trục lợi.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương thực hiện dứt điểm khắc phục những tồn tại, hạn chế và các kiến nghị tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo số 03/BC-HĐND ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc chấp hành các quy định trong quản lý và sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2020; báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2023.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Hội đồng nhân dân, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính đầy đủ, khách quan, chính xác của các thông tin, số liệu, nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo tiến độ, không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, lãng phí, thất thoát.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung sau: 1) Chỉ phân bổ chi tiết kinh phí hỗ trợ cho Công an tỉnh khi đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật; 2) Đối với 12 dự án trường học, chỉ triển khai thực hiện đối với những dự án sau khi Thanh tra tỉnh đã thanh tra và kết luận không có vi phạm pháp luật, tiêu cực, lãng phí trong bước phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án; 3) Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Trường THPT Ba Chẽ (giai đoạn 2) theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019 nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và khởi công mới trong năm 2023.

Việc phân bổ, thanh, quyết toán kinh phí mua sắm, sửa chữa phải tuân thủ các quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc thiết bị và quy chuẩn kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu, các quy định của pháp luật có liên quan trong mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; hoàn thành việc mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy và học trong năm 2023; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xử lý dứt điểm, đúng quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công đối với các dự án đảm bảo tiến độ giải ngân sau khi được giao dự toán.

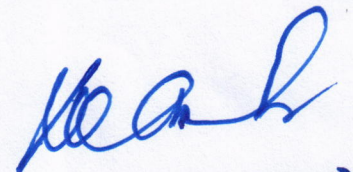
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, NS4.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Kỳ

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 145 /NQ-HĐND ngày 30/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán giao tại Nghị quyết số 136/NQ- HĐND ngày 09/12/2022	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP TRÊN ĐỊA BÀN	54.000.000		54.000.000
1	Thu nội địa	42.000.000		42.000.000
2	Thu xuất nhập khẩu	12.000.000		12.000.000
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	31.960.596		31.960.596
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	30.600.000		30.600.000
II	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.360.596		1.360.596
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách			
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.360.596		1.360.596
B	TỔNG CHI NSDP	31.960.596		31.960.596
I	Tổng chi cân đối NSDP	30.565.177		30.565.177
1	Chi đầu tư phát triển	13.200.000	755.500	13.955.500
2	Chi thường xuyên	16.470.000	(755.500)	15.714.500
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	9.187		9.187
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.600		1.600
5	Chi hỗ trợ hoạt động tín dụng nhà nước	102.120		102.120
6	Dự phòng ngân sách	592.000		592.000
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	190.270		190.270
II	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu	1.360.596		1.360.596
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.271.437		1.271.437
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách và một số CTMT	89.159		89.159
III	Chi trả nợ gốc NSDP	34.823		34.823



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 30/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán giao tại Nghị quyết số 136/NQ- HĐND ngày 09/12/2022	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
	TỔNG CHI NSDP	31.960.596		31.960.596
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	30.565.177		30.565.177
I	Chi đầu tư phát triển	13.200.000	755.500	13.955.500
II	Chi thường xuyên	16.470.000	(755.500)	15.714.500
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.181.377	(745.500)	5.435.877
2	Chi khoa học và công nghệ	284.289		284.289
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	9.187		9.187
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.600		1.600
V	Chi hỗ trợ hoạt động tín dụng nhà nước	102.120		102.120
VI	Dự phòng ngân sách	592.000		592.000
VII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	190.270		190.270
B	CHI TỪ NGUỒN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	1.360.596		1.360.596
I	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.271.437		1.271.437
II	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách và một số CTMT	89.159		89.159
C	Chi trả nợ gốc NSDP	34.823		34.823

7/24

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số **145/NQ-HĐND** ngày 30/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

[illegible]



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số **145** /NQ-HĐND ngày 30/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán giao tại Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
	<u>TỔNG CHI NGÂN SÁCH TỈNH</u>	<u>21.376.471</u>		<u>21.376.471</u>
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	2.921.383		2.921.383
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	17.059.669		17.059.669
I	Chi đầu tư phát triển	8.642.869	755.500	9.398.369
II	Chi thường xuyên	7.791.733	-755.500	7.036.233
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.640.314	-745.500	1.894.814
2	Chi khoa học và công nghệ	284.289		284.289
3	Chi an ninh - quốc phòng	247.020		247.020
4	Chi y tế, dân số và gia đình	1.225.288		1.225.288
5	Chi văn hoá, thể thao, phát thanh truyền hình	353.893		353.893
6	Chi bảo vệ môi trường	99.776		99.776
7	Chi các hoạt động kinh tế	1.690.417	-10.000	1.680.417
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	785.554		785.554
9	Chi đảm bảo xã hội	314.521		314.521
10	Chi khác	150.661		150.661
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	9.187		9.187
IV	Chi hỗ trợ hoạt động tín dụng nhà nước	102.120		102.120
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.600		1.600
VI	Dự phòng ngân sách	321.890		321.890
VII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	190.270		190.270
C	CHI TỪ NGUỒN TW BSCMT	1.360.596		1.360.596
D	TRẢ NỢ GÓC	34.823		34.823

72



DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 30/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	 Nội dung	Dự toán giao tại Nghị quyết số 136/NQ- HĐND ngày 09/12/2022	Dự toán điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:		
					Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	
	TỔNG SỐ	7.791.733	(755.500)	7.036.233	1.894.814	1.680.417	
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	1.639.197		1.639.197	337.553	30.632	
B	KINH PHÍ ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ	6.152.536	(755.500)	5.397.036	1.557.261	1.649.785	
	Trong đó:						
III	Giáo dục đào tạo và dạy nghề	2.302.761	(745.500)	1.557.261	1.557.261	-	
	Trong đó:						
13	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển ngành giáo dục, nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.286.000	(745.500)	540.500	540.500		
X	Các hoạt động kinh tế	1.659.785	(10.000)	1.649.785	-	1.649.785	
	Trong đó:						
17	Kinh phí thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Tỉnh lĩnh vực kinh tế	1.260.000	(10.000)	1.250.000		1.250.000	

7/8

DỰ TOÁN GHI THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT, GHI CHI TIỀN BÒI THƯỜNG, GPMB NHÀ ĐẦU TƯ TỰ NGUYỆN ỨNG TRƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số **145** /NQ-HĐND ngày 30/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	 Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán ghi thu				Dự toán ghi chi
			Tổng số	Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất		
					Trả tiền 1 lần	Trả tiền hàng năm	
	TỔNG SỐ		94.516	69.393	25.123	-	94.516
1	Dự án Khu dân cư thôn Chợ, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long	Công ty CP sản xuất và thương mại Hạ Long	4.220	3.290	930	-	4.220
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư phía Tây nhà máy bia Đông Mai, thị xã Quảng Yên (đợt 1)	Công ty CP Bất động sản HANO-VID	5.945	5.033	912		5.945
3	Dự án Khu đô thị đại lộ Hòa Bình kéo dài tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	Liên danh Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam và Công ty cổ phần phát triển đầu tư Phúc Khánh Việt Nam	84.351	61.070	23.281		84.351

PHÂN BỐ KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CSVC TRƯỜNG HỌC, SỬA CHỮA TRƯỜNG, LỚP HỌC THƯỜNG XUYÊN, MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ CÁC NHIỆM VỤ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 145 /NQ-HĐND ngày 30/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Cơ quan, đơn vị	Kinh phí phân bổ				
		Tổng	KP mua sắm, trang thiết bị dạy học	Kinh phí sửa chữa trường, lớp học thường xuyên	KP tổ chức mua sắm tập trung	Ghi chú
	TỔNG	457.135	444.746	10.896	1.493	
1	Hạ Long	94.367	94.367			
2	Cẩm Phả	29.065	29.065			
3	Uông Bí	36.662	36.662			
4	Móng Cái	45.762	45.762			
5	Đông Triều	45.008	45.008			
6	Quảng Yên	41.518	41.518			
7	Vân Đồn	31.701	31.701			
8	Tiên Yên	9.782	9.782			
9	Hải Hà	46.915	46.915			
10	Đầm Hà	36.032	36.032			
11	Bình Liêu	8.709	8.709			
12	Ba Chẽ	11.279	11.279			
13	Cô Tô	6.373	6.373			
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	12.469	1.573	10.896		
15	Ban quản lý đầu tư xây dựng các dự án Dân dụng và Công nghiệp	1.493			1.493	

7/1

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN VỐN
NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số **145/NQ-HĐND** ngày 30/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

DVT: Triệu đồng.

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023
				Tổng cộng	Trong đó:			
					NS tỉnh	NS huyện		
	TỔNG SỐ			1.411.786	1.182.920	198.866	1.240.000	755.500
I	Các dự án đầu tư Trường học theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 31/5/2022			1.346.786	1.147.920	198.866	1.205.000	745.500
1	Đầu tư xây dựng Trường Trung học cơ sở Hải Hà	UBND huyện Hải Hà	279/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 (H)	223.710	185.420	38.290	200.000	80.000
2	Đầu tư xây dựng Trường Trung học cơ sở Hạ Long, huyện Vân Đồn	UBND huyện Vân Đồn	5891/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 (H)	229.442	190.000	39.442	200.000	90.000
3	Hỗ trợ Đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Hạ Long I, huyện Vân Đồn	UBND huyện Vân Đồn	5892/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 (H)	110.856	100.000	10.856	132.000	50.000
4	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Đồng Tiến, huyện Cô Tô	UBND huyện Cô Tô	1436/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 (H)	68.862	63.000	5.862	63.000	55.000
5	Trường Tiểu học Đông Ngũ 1, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên	UBND huyện Tiên Yên	4894/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 (H)	148.800	140.000	8.800	140.000	80.000
6	Trường Tiểu học thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ (hạng mục: Xây mới nhà đa năng + Sân bê tông)	UBND huyện Ba Chẽ	4403/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 (H)	11.400	10.000	1.400	10.000	10.000
7	Trường THCS thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ	UBND huyện Ba Chẽ	4402/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 (H)	140.300	102.000	38.300	102.000	80.000
8	Bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường Tiểu học thị trấn Đầm Hà	UBND huyện Đầm Hà	5203/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 (H)	25.000	23.000	2.000	23.000	13.000
9	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí	UBND thành phố Uông Bí	7643 ngày 30/11/2022 (TP)	137.000	116.000	21.000	116.000	90.000
10	Bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường THCS thị trấn Đầm Hà	UBND huyện Đầm Hà	5204/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 (H)	64.416	58.000	6.416	58.000	37.000
11	Trường Tiểu học Tinh Húc, thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	UBND huyện Bình Liêu	230/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 (H)	95.000	80.500	14.500	81.000	80.500
12	Trường THCS Lục Hồn, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	UBND huyện Bình Liêu	229/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 (H)	92.000	80.000	12.000	80.000	80.000
II	Hỗ trợ Dự án của đơn vị trung ương trên địa bàn			65.000	35.000		35.000	10.000
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng dự án Doanh trại Ban CHQS thị xã Đông Triều/ Bộ CHQS tỉnh	BCH QS tỉnh	2399/QĐ-BQP ngày 30/6/2022 (BQP)	65.000	35.000		35.000	10.000